

DEVELOPING THE PRODUCTION AND BUSINESS OF BAMBOO AND RATTAN PRODUCTS IN THE CRAFT VILLAGE OF NAM PHUONG TIEN COMMUNE IN THE COVID-19 PANDEMIC

Dao Thi Hong

Vietnam National University of Forestry

ARTICLE INFO		ABSTRACT
Received:	26/5/2021	The research was subjected to offer a number of solutions to develop the production and business activities of bamboo and rattan products in the craft village of Nam Phuong Tien commune in the context of the Covid-19 Pandemic. The research used data collection method through the questionnaire survey with a sample size of 150 individuals working in Nam Phuong Tien commune. Using statistical methods of description and economic analysis, the research results show that there are five solutions to develop the production and business activities of bamboo and rattan products in Nam Phuong Tien commune in the context of the Covid-19 Pandemic: (1) The State needs to implement supportive policies to help craft villages stabilize and develop production during the pandemic; (2) The commune authorities need to plan raw materials, establish a market for selling materials; (3) Craft villages need to create new designs, focusing on exploiting the domestic market; (4) Building a model of craft village cooperatives, building a brand to consume products and develop the market through e-commerce platforms; (5) Encouraging factories to link together to create a high level of competition, focusing on improving the skills of employees. The solutions offered are meaningful and highly practical.
Revised:	23/6/2021	
Published:	25/6/2021	
KEYWORDS		
Rattan and bamboo products		
Nam Phuong Tien		
Market		
Manufacturing and trading		
Craft village		

PHÁT TRIỂN HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH CÁC SẢN PHẨM MÂY TRE ĐAN TẠI LÀNG NGHỀ XÃ NAM PHƯƠNG TIẾN TRONG BỐI CẢNH DỊCH COVID-19

Đào Thị Hồng

Trường Đại học Lâm nghiệp

THÔNG TIN BÀI BÁO		TÓM TẮT
Ngày nhận bài:	26/5/2021	Nghiên cứu này được thực hiện với mục tiêu chính là đưa ra một số giải pháp phát triển hoạt động sản xuất và kinh doanh các sản phẩm mây tre đan tại làng nghề xã Nam Phương Tiến trong bối cảnh dịch Covid-19. Nghiên cứu sử dụng phương pháp thu thập số liệu thông qua điều tra bằng bảng câu hỏi với kích thước mẫu là 150 cá nhân làm nghề trên địa bàn xã Nam Phương Tiến. Bằng phương pháp thống kê mô tả và phân tích kinh tế, kết quả nghiên cứu đưa ra năm giải pháp phát triển hoạt động sản xuất và kinh doanh các sản phẩm mây tre đan tại địa bàn xã Nam Phương Tiến trong bối cảnh dịch Covid-19: (1) Nhà nước cần triển khai những chính sách hỗ trợ giúp làng nghề ổn định và phát triển sản xuất trong đại dịch; (2) Chính quyền xã cần quy hoạch nguồn nguyên liệu, hình thành chợ bán nguyên liệu; (3) Làng nghề cần sáng tạo mẫu mã mới, chú trọng khai thác thị trường nội địa; (4) Xây dựng mô hình Hợp tác xã làng nghề, tạo dựng thương hiệu nhằm tiêu thụ sản phẩm và phát triển thị trường qua các sàn thương mại điện tử; (5) Khuyến khích các xưởng liên kết với nhau nhằm tạo ra sức cạnh tranh cao, chú trọng nâng cao tay nghề cho người lao động. Các giải pháp đưa ra đều có ý nghĩa và mang tính thực tiễn cao.
Ngày hoàn thiện:	23/6/2021	
Ngày đăng:	25/6/2021	
TỪ KHÓA		
Sản phẩm mây tre đan		
Nam Phương Tiến		
Thị trường		
Sản xuất và kinh doanh		
Làng nghề		

DOI: <https://doi.org/10.34238/tnu-jst.4552>

Email: hongdao23990@gmail.com

<http://jst.tnu.edu.vn>

378

Email: jst@tnu.edu.vn

1. Mở đầu

Trong những năm gần đây, mây tre đan (MTĐ) là một trong những mặt hàng thủ công mỹ nghệ có giá trị xuất khẩu lớn ở Việt Nam, được nhiều nước ưa thích như: Mỹ, Nhật Bản, EU,...[1]. Không chỉ góp phần vào giá trị xuất khẩu, ngành MTĐ còn tạo ra công ăn việc làm, giúp cải thiện cuộc sống của người lao động. Là một xã thuần nông, chủ yếu hoạt động trong các lĩnh vực như chăn nuôi gia cầm, gia súc, trồng lúa nước với mức thu nhập thấp thì trong 20 năm trở lại đây, xã Nam Phương Tiến, huyện Chương Mỹ, TP. Hà Nội đã tiến hành sản xuất nghề thủ công nghiệp là các sản phẩm (SP) mây tre đan. Tính đến nay, làng nghề thủ công MTĐ tại xã Nam Phương Tiến vẫn đang phát triển khá tốt, giúp người dân có thêm thu nhập cho kinh tế gia đình, thậm chí đây còn là nghề chính của nhiều hộ gia đình. Như vậy, việc đẩy mạnh sản xuất và kinh doanh các sản phẩm MTĐ sẽ tác động tích cực đến sự phát triển kinh tế hộ gia đình nói riêng và của xã Nam Phương Tiến nói chung. Tuy nhiên, so với các làng nghề nổi tiếng khác tại Việt Nam thì việc sản xuất MTĐ tại xã Nam Phương Tiến còn tồn tại một số hạn chế nhất định. Bên cạnh đó, khi đại dịch Covid-19 bùng phát vào giữa tháng 1/2020 đã ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất và kinh doanh các sản phẩm MTĐ nói chung, thị trường xuất khẩu bị thu hẹp, thị trường nội địa cũng bị sụt giảm mạnh [2]. Trong bối cảnh đó, hoạt động sản xuất và kinh doanh các sản phẩm MTĐ tại xã Nam Phương Tiến cũng bị ảnh hưởng nặng nề về quy mô sản xuất, số lượng và thu nhập của lao động tham gia làm nghề.

Qua lược khảo tài liệu, đã có nhiều nghiên cứu trong và ngoài nước đánh giá thực trạng và đưa ra giải pháp phát triển làng nghề tại Việt Nam [3] cũng như các khu vực hoặc tỉnh thành có làng nghề thủ công như: Khu vực Đông Nam Bộ [4], An Giang [5], Thừa Thiên Huế [6], Quảng Ninh [7], Thái Nguyên [8], Hà Nội [9]. Tuy nhiên, trên thực tế vẫn chưa có nghiên cứu nào đánh giá thực trạng hoạt động sản xuất và kinh doanh tại làng nghề xã Nam Phương Tiến, đặc biệt trong bối cảnh đại dịch Covid-19 đã ảnh hưởng lớn đến hoạt động tại các làng nghề nói chung và tại làng nghề xã Nam Phương Tiến nói riêng. Nghiên cứu này được thực hiện nhằm chỉ ra quy trình sản xuất và đánh giá thực trạng hoạt động kinh doanh các sản phẩm MTĐ qua đó đề xuất một số giải pháp phát triển hoạt động sản xuất và kinh doanh sản phẩm MTĐ tại làng nghề xã Nam Phương Tiến trong bối cảnh dịch Covid-19 đang diễn ra ngày càng phức tạp.

2. Phương pháp nghiên cứu

2.1. Phương pháp thu thập số liệu

- *Thu thập số liệu sơ cấp:*

Số liệu sơ cấp được thu thập trực tiếp bằng cách khảo sát thông qua bảng câu hỏi, đối tượng khảo sát là 150 cá nhân sản xuất MTĐ tại làng nghề. Số lượng đối tượng khảo sát được chia ra theo độ tuổi, trong đó số người từ 21-35 tuổi là 50 phiếu; từ 36-50 tuổi là 50 phiếu; từ 11 đến 20 là 25 phiếu; từ trên 51 tuổi là 25 phiếu.

- *Thu thập số liệu thứ cấp:*

Số liệu thứ cấp được thu thập từ báo cáo tình hình kinh tế xã hội của cơ quan chức năng, sở, phòng ban, ngành, ủy ban nhân dân (UBND) xã Nam Phương Tiến và một số nghiên cứu liên quan được đăng trên các tạp chí khoa học.

2.2. Phương pháp phân tích và xử lý số liệu

- *Phương pháp thống kê mô tả:* Phương pháp này được vận dụng để mô tả khái quát tình hình kinh tế xã hội của địa bàn nghiên cứu; quy trình sản xuất các sản phẩm mây tre đan tại làng nghề.

- *Phương pháp so sánh:* Nghiên cứu sử dụng phương pháp so sánh số tuyệt đối, số tương đối để đánh giá sự biến động về thực trạng sản xuất và kinh doanh sản phẩm mây tre đan trên địa bàn nghiên cứu từ năm 2018-2020.

- *Phương pháp biểu đồ:* Nghiên cứu sử dụng biểu đồ để đánh giá kết quả kinh doanh các sản phẩm MTĐ tại làng nghề giai đoạn 2018-2020.

3. Kết quả và thảo luận

3.1. Đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh mây tre đan tại xã Nam Phương Tiến

3.1.1. Quy trình sản xuất các sản phẩm mây tre đan

Việc sản xuất các mặt hàng sản phẩm MTĐ hiện tại của xã chỉ mới dừng lại ở việc sản xuất thô, rồi đem bán cho các cơ sở khác lớn hơn. Quy trình sản xuất sản phẩm tại làng nghề hiện tại gồm 4/5 công đoạn theo quy trình sản xuất đồ thủ công mây tre truyền thống (bỏ qua công đoạn sơ chế nguyên liệu, bao gồm): (1) *Chọn mua nguyên liệu đã qua sơ chế*; (2) *Xử lý nguyên liệu*; (3) *Chế sợi*; (4) *Sản xuất tại sản phẩm* [10]. Sản phẩm thô được làm ra sẽ được bán cho các cơ sở lớn hơn để tiến hành làm các bước trang trí, chống mối mọt, dán nhãn mác và bán cho người dùng. Như vậy, do chỉ dừng lại ở việc sản xuất thô nên giá trị sản phẩm chưa cao, điều này làm giảm thu nhập từ việc sản xuất sản phẩm.

3.1.2. Tình hình lao động tham gia làm nghề

Hoạt động sản xuất kinh doanh MTĐ tại xã Nam Phương Tiến bắt đầu từ năm 1998 với số lượng tham gia làm nghề thời điểm đó khoảng 30-40 người, bắt đầu với loại sản phẩm sản xuất từ nguyên liệu song mây để tạo ra các loại mặt hàng như khay đựng đồ, lọ hoa trưng bày. Tính đến năm 2019 - trước thời điểm dịch Covid-19 bùng phát, hoạt động sản xuất MTĐ tại xã đã dần đi vào ổn định với tổng số 13 xưởng lớn nhỏ và 01 công ty được thành lập. Tổng số lao động tại xã tham gia sản xuất MTĐ năm 2020 khoảng 646 người, chiếm khoảng 7,79% dân số tại xã, giảm 24,44% số lao động tham gia làm nghề so với năm 2019 [4]. Tình hình lao động làm nghề được thể hiện trong bảng 1.

Bảng 1. Tình hình lao động làm nghề MTĐ tại xã Nam Phương Tiến giai đoạn 2018-2020

Đơn vị tính: Người

Chỉ tiêu	2018	2019		2020		Đbq (%)
	Số lượng	Số lượng	Đbq (%)	Số lượng	Đbq (%)	
Tổng số lao động làm nghề	932	855	91,74	646	75,56	83,25
Phân loại theo giới tính						
Nam	238	180	75,63	114	63,33	69,21
Nữ	694	675	97,26	532	78,81	87,55
Phân loại theo độ tuổi làm việc						
Từ 11 đến 20 tuổi	121	127	104,96	116	91,34	97,91
Từ 21 đến 35 tuổi	262	244	93,13	158	64,75	77,66
Từ 36 tuổi đến 50 tuổi	356	334	93,82	246	73,65	83,13
Từ trên 51 tuổi	193	150	77,72	126	84,00	80,80

(Nguồn: Tác giả tổng hợp và tính toán trên số liệu của UBND xã Nam Phương Tiến)

Tổng số lao động của xã tham gia làm nghề MTĐ có sự sụt giảm qua các năm, năm 2018 toàn xã thu hút lao động với nghề lớn nhất do một số loại sản phẩm cho thu nhập khá cao, người dân tham gia vào sản xuất sản phẩm mây tre đan nhiều hơn. Sang năm 2019, nguồn nguyên liệu sản xuất bị thiếu, giá nguyên liệu lại tăng lên khá cao dẫn đến mức lợi nhuận giảm, một số đối tượng lao động đã chọn định hướng công việc khác ổn định hơn. Sang đến năm 2020, lượng lao động sụt giảm mạnh nhất do dịch Covid ảnh hưởng đến việc tiêu thụ sản phẩm, đặc biệt là nhiều đơn hàng xuất khẩu bị chấm dứt ảnh hưởng đến việc sản xuất sản phẩm. Nhiều lao động đã bỏ nghề và chuyển sang làm tại các khu công nghiệp (KCN) quanh địa bàn xã như KCN Lương Sơn-Hòa Bình, KCN Phú Nghĩa-Hà Nội để đảm bảo cuộc sống.

Xét theo giới tính, lao động tại làng nghề xã Nam Phương Tiến chủ yếu là phụ nữ (Chiếm từ 75-84% trong tổng số lao động làm nghề), họ làm công việc đồng áng, chăm sóc gia đình nên có xu hướng chọn công việc tự do như làm MTĐ để kiếm thêm thu nhập. Độ tuổi thu hút lao động nhất là từ 36 - 50 tuổi, đây là lứa tuổi khó có khả năng xin việc thuận lợi hoặc có được mức thu nhập cao hơn khi đi làm tại các công ty hoặc các khu công nghiệp, nên việc lựa chọn làm nông

ng nghiệp và nghề phụ là khá tối ưu. Lao động trong độ tuổi từ 21-35 tuổi đứng thứ hai, đây là lao động đã có công việc gần nhà ổn định, lựa chọn làm thêm sản phẩm MTĐ để kiếm thêm thu nhập. Tuy nhiên, số lượng lao động trong độ tuổi này tham gia sản xuất MTĐ bị giảm sút mạnh nhất, đặc biệt là trong năm 2020 do thu nhập bị co hẹp, họ có khả năng tìm kiếm các công việc khác có thu nhập cao hơn để đảm bảo cuộc sống. Cuối cùng là lao động lớn tuổi, hoặc đã nghỉ hưu và học sinh tham gia làm nghề phụ giúp thêm thu nhập cho gia đình.

3.1.3. Nguyên liệu để sản xuất các sản phẩm mây tre đan

Nguyên vật liệu sản xuất sản phẩm mây tre đan tại xã Nam Phương Tiến gồm 5 loại, trong đó có 4 loại nguyên liệu tự nhiên và 01 loại nguyên liệu nhân tạo từ sợi nhựa, chi tiết trong bảng 2.

Bảng 2. Tổng hợp nguyên liệu sản xuất MTĐ tại làng nghề trong 3 năm 2018-2020

Loại nguyên liệu	ĐVT	2018	2019		2020		fbq (%)
			Số lượng	phl (%)	Số lượng	phl (%)	
Song	Kg	535.680	349.000	65,15	272.280	78,02	71,29
Mây	M	15.066.000	5.377.000	35,69	2.245.000	41,75	38,60
Guột	Bó	108.810	99.450	91,40	78.530	78,96	84,95
Sợi nhựa	Kg	13.390	12.240	91,41	6.830	55,80	71,42
Cói	Kg	167.400	153.000	91,40	86.700	56,67	71,97

(Nguồn: Tác giả tính toán dựa trên số liệu của UBND xã Nam Phương Tiến)

Nguồn nguyên liệu gồm song, mây, guột, cói, và sợi nhựa được người dân tại xã mua về từ những làng khác chuyên sơ chế bán buôn nguyên liệu như làng nghề Phú Vinh - huyện Chương Mỹ. Hiện nay, nguyên liệu song và guột có xu hướng ngày càng khan hiếm. Lượng nguyên liệu được sử dụng để sản xuất giảm liên tục do nhu cầu các sản phẩm MTĐ sau khi tăng đột trong năm 2018 đã bão hòa trong năm 2019 và tiếp tục giảm mạnh trong năm 2020 trước ảnh hưởng của Đại dịch Covid-19. Nguyên liệu song được tiêu thụ nhiều nhất do song là nguyên liệu để tạo dựng khung trong các mặt hàng song mây và song guột. Trong các năm gần đây, nguyên liệu mây giảm mạnh nhất do các mặt hàng song mây đã chuyển dần sang mặt hàng song guột có giá trị lợi nhuận cao hơn. Nguyên liệu từ cói và sợi nhựa cũng có sự biến động giảm tuy nhiên vẫn giữ được tỷ trọng do nhu cầu các mặt hàng từ cói và sợi nhựa vẫn giữ mức khá ổn định.

3.1.4. Các chủng loại sản phẩm MTĐ được sản xuất tại xã Nam Phương Tiến

Các sản phẩm được tạo ra từ làng nghề xã Nam Phương Tiến bao gồm 3 nhóm sản phẩm chính sau: Sản phẩm từ song guột, từ song mây và từ cói và sợi nhựa. Các sản phẩm MTĐ ngoài việc phục vụ nhu cầu đời sống của con người còn là công cụ phục vụ trang trí như: Túi sách, giá đựng sách báo, lọ hoa, ấm ủ,... Số liệu cụ thể về số lượng chủng loại và sản phẩm được thể hiện trong bảng 3.

Bảng 3. Chủng loại sản phẩm sản xuất của làng nghề xã Nam Phương Tiến giai đoạn 2018-2020

Loại sản phẩm	2018		2019		2020		fbq Sản phẩm (%)	fbq Chủng loại (%)
	SL	SL	SL	SL	SL	SL		
	sản phẩm	chủng loại	sản phẩm	chủng loại	sản phẩm	chủng loại		
SP từ song mây	20.300	19	15.550	11	8.240	7	63,71	60,70
SP từ song guột	72.420	25	71.150	22	47.560	14	81,04	74,83
SP từ cói và sợi nhựa	41.330	16	28.200	12	18.640	8	67,16	70,71
Tổng	134.050	60	114.900	45	74.440	29	74,52	69,52

(Nguồn: Tác giả tính toán dựa trên số liệu của UBND xã Nam Phương Tiến)

Số lượng sản phẩm hay số lượng chủng loại MTĐ đều có xu hướng giảm qua 3 năm. Trong đó, sản phẩm từ song mây có xu hướng giảm mạnh nhất, tiếp đến là các sản phẩm từ cói và sợi nhựa do sự thay đổi trong thị hiếu người tiêu dùng. Sản phẩm song mây chiếm tỷ trọng thấp nhất và tỷ trọng bị giảm dần từ 15,14% (năm 2018) xuống chỉ còn 11,07% (năm 2020), sản phẩm song guột có số lượng, chủng loại giảm qua các năm nhưng lại có sự gia tăng về tỷ trọng số

lượng sản phẩm từ 54,02% (năm 2018) lên 63,89% (năm 2020) xuất phát từ nhu cầu sản phẩm hộp được làm từ guột sử dụng để đựng đồ sinh hoạt, trưng bày bán hàng có sự gia tăng mạnh trong năm 2018, 2019. Trong năm 2020, đại dịch Covid-19 bùng phát làm nhiều đơn hàng xuất khẩu bị hủy, lượng tiêu thụ các mặt hàng MTĐ trong những tháng đầu năm bị giảm mạnh kéo theo số lượng và chủng loại sản phẩm sản xuất bị sụt giảm tương ứng, hoạt động sản xuất MTĐ chỉ có được sự phục hồi nhẹ trong những tháng cuối năm 2020 khi dịch bệnh đã ổn định hơn.

3.2. Thực trạng sản xuất và tiêu thụ sản phẩm mây tre đan tại xã Nam Phương Tiến

3.2.1. Chi phí để sản xuất các sản phẩm mây tre đan

Chi phí trong quá trình sản xuất ra sản phẩm MTĐ tại làng nghề xã Nam Phương Tiến sẽ đánh giá rõ hơn việc sử dụng nguyên liệu và công cụ dụng cụ và các chi phí khác, chi tiết trong bảng 4.

Bảng 4. Chi phí nguyên liệu, công cụ dụng cụ tại làng nghề MTĐ xã Nam Phương Tiến giai đoạn 2018-2020

Đơn vị: tr.đồng

STT	Loại nguyên liệu	ĐVT	2018	2019	2020	phbq (%)
I	Nguyên liệu		28.663,8	22.119,66	13.837,60	69,48
1.1	Song	Kg	21.427,2	15.705	10.074,36	68,57
1.2	Mây	M	2.109,24	967,86	336,75	39,96
1.3	Guột	Bó	2.937,87	3.182,4	2.277,37	88,04
1.4	Sợi nhựa	Kg	682,89	734,4	368,82	73,49
1.5	Cối	Kg	1.506,6	1.530	780,30	71,97
II	Công cụ dụng cụ		43,08	20,50	9,60	47,21
III	Chi phí khác		1,68	1,87	0,65	62,20
Tổng (I+II+III)			28.708,56	22.142,03	13.847,85	69,45

(Nguồn: Tác giả tính toán dựa trên số liệu của UBND xã Nam Phương Tiến)

Chi phí sản xuất có xu hướng giảm liên tục trong giai đoạn 2018-2020 chủ yếu do lượng sản phẩm MTĐ sản xuất bị giảm mạnh còn giá nguyên liệu vẫn tăng trong năm 2019 do tình hình khan hiếm nguồn nguyên liệu sản xuất và chỉ giảm nhẹ trong năm 2020 trước những khó khăn của việc sản xuất. Đặc biệt, chi phí sản xuất giảm mạnh nhất trong năm 2020 khi việc sản xuất bị ảnh hưởng mạnh từ dịch Covid-19. Trong số các nguyên liệu để sản xuất ra sản phẩm MTĐ tại làng nghề thì song là nguyên liệu có chi phí lớn nhất do song là loại nguyên liệu chính để sản xuất 2 loại sản phẩm mặt hàng được nhiều người ưa chuộng sử dụng là song guột và song mây. Chi phí từ nguyên liệu song luôn chiếm trên 70% trong tổng chi phí phát sinh. Chi phí công cụ dụng cụ để sản xuất sản phẩm MTĐ tại làng nghề chiếm tỷ trọng rất thấp, dao động từ 0,07-0,4%. Các loại công cụ sử dụng chủ yếu như: kim cắt góc, dao, kéo, dùi, kẹp, máy cắt song. Các loại công cụ đều có đặc điểm giá mua ở mức thấp, sử dụng được trong thời gian dài mà ít có sự hư hỏng. Các chi phí phát sinh khác có giá trị rất nhỏ trong tổng chi phí như ghế ngồi, bao tay,... được sử dụng thêm giúp người làm thoải mái hơn trong lúc sản xuất hoặc tránh bị đứt tay.

3.2.2. Thực trạng tiêu thụ các sản phẩm mây tre đan

Các sản phẩm từ làng nghề MTĐ tại xã Nam Phương Tiến sau khi sản xuất xong được bán toàn bộ tại thị trường trong nước, chưa có sản phẩm được mang đi xuất khẩu do việc sản xuất mới chỉ dừng lại ở sản phẩm thô. Doanh thu tiêu thụ sản phẩm theo các tiêu chí được thể hiện trong bảng 5.

Doanh thu tiêu thụ các sản phẩm MTĐ cũng biến động giảm liên tục qua các năm với tốc độ phát triển bình quân là 66,3%, khá tương đồng với sự sụt giảm của chi phí sản xuất. Trong đó, doanh thu từ sản phẩm song mây có xu hướng giảm và chiếm tỷ trọng thấp nhất (dao động 10%-15%) do ảnh hưởng từ sự thay đổi trong thị hiếu người tiêu dùng. Các sản phẩm tại làng nghề của xã được bán cho các Xưởng và Công ty tại làng nghề Phú Vinh – Phú Nghĩa. Các sản phẩm song

guột và cối sợi sẽ được bán chủ yếu cho các xưởng tại Phú Nghĩa, trong khi đó các công ty MTĐ tại Phú Nghĩa lại mua đa số các sản phẩm là song mây. Theo đó, cơ cấu doanh thu từ các Xưởng cao hơn so với doanh thu từ công ty. Xét theo sản phẩm, doanh thu đến từ sản phẩm song mây giảm liên tục với tốc độ phát triển bình quân là 54,29% do thị hiếu người tiêu dùng thay đổi, chuyển sang ưa chuộng và sử dụng các mặt hàng song guột và cối sợi. Doanh thu từ sản phẩm song guột mặc dù giảm sút nhưng vẫn chiếm tỷ trọng cao nhất, doanh thu từ các sản phẩm cối sợi đứng thứ 2 với tỷ trọng dao động từ 24%-31%.

Bảng 1. Doanh thu tiêu thụ sản phẩm MTĐ tại xã Nam Phương Tiến giai đoạn 2018-2020

TT	Chỉ tiêu	Năm 2018		Năm 2019		Năm 2020		Đbq (%)
		Giá trị (tr.đồng)	TT (%)	Giá trị (tr.đồng)	TT (%)	Giá trị (tr.đồng)	TT (%)	
I	Theo đối tượng khách hàng							
1.1	Xưởng sản xuất	37.042	56,22	35.059	64,38	18.925	65,34	71,48
1.2	Công ty	28.844	43,78	19.397	35,62	10.039	34,66	59,00
II	Theo chủng loại sản phẩm							
2.1	SP song mây	9.975	15,14	7.367	13,53	2.940	10,15	54,29
2.2	SP song guột	35.593	54,02	33.720	61,92	17.025	58,78	69,16
2.3	SP cối sợi	20.318	30,84	13.369	24,55	8.999	31,07	66,55
III	Theo chủ thể sản xuất							
3.1	Xưởng sản xuất							
	<i>Xưởng Loại 1</i>	37.296	56,61	29.376	53,94	18.471	63,77	70,37
	<i>Xưởng Loại 2</i>	12.342	18,73	10.464	19,22	5.054	17,45	63,99
	<i>Xưởng Loại 3</i>	6.444	9,78	5.256	9,65	1.060	3,66	40,56
3.2	Công ty TNHH Sapa	9.804	14,88	9.360	17,19	4.379	15,12	66,84
	Tổng	65.886	132,3	54.456	82,65	28.964	100,00	66,30

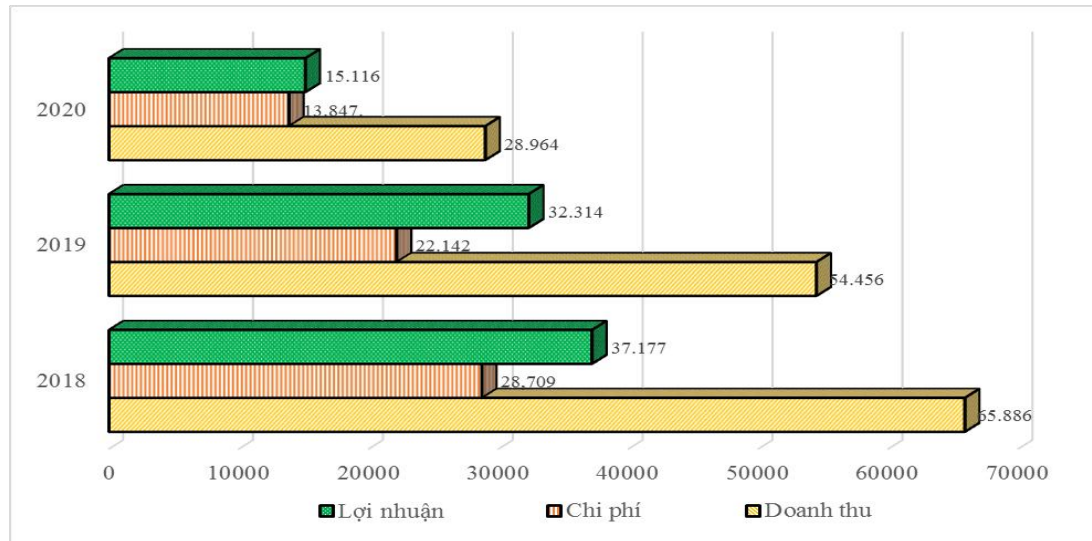
(Nguồn: Tác giả tính toán dựa trên số liệu của UBND xã Nam Phương Tiến)

Quy mô sản xuất toàn xã hiện có 13 xưởng sản xuất và một công ty đang hoạt động là công ty TNHH Sapa [11]. Trong tổng số 13 xưởng sản xuất sẽ được chia theo 3 quy mô bao gồm: Xưởng loại 1 gồm 06 xưởng có quy mô hoạt động của một xưởng lớn, số lượng tham gia khoảng 60 lao động, đóng góp trên 50% tổng doanh thu; xưởng loại 2 gồm 04 xưởng có quy mô hoạt động ở mức trung bình với số lao động tham gia khoảng 40 người, xưởng loại 03 gồm 03 xưởng có quy mô nhỏ với khoảng 20 lao động. Công ty sản xuất thủ công tại xã có số lượng lao động tham gia sản xuất cao hơn xưởng lớn khá nhiều với trên 90 lao động, doanh thu chiếm từ 14-17% trong tổng doanh thu.

3.2.3. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh sản phẩm MTĐ tại làng nghề xã Nam Phương Tiến giai đoạn 2018-2020

Kết quả của hoạt động sản xuất kinh doanh MTĐ tại làng nghề giai đoạn 2018-2020 được tính toán và thể hiện một số chỉ tiêu trên biểu đồ Hình 1.

Các chỉ tiêu về doanh thu, chi phí, lợi nhuận đều có xu hướng giảm trong giai đoạn 2018-2020, đặc biệt giảm mạnh nhất trong năm 2020 khi dịch Covid-19 bùng phát và ảnh hưởng tới quá trình tiêu thụ sản phẩm, đặc biệt là xuất khẩu. Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu do chưa xét tới yếu tố chi phí lao động nên đều đạt mức khá cao từ 52-59%. Bản chất lao động làm nghề MTĐ đều theo khuynh hướng làm trong các thời gian rảnh và lấy công làm lãi. Thu nhập bình quân/lao động/năm có giá trị cao nhất trong năm 2018 là 39,89 triệu đồng/năm nhưng giảm xuống mức khá thấp trong năm 2020 chỉ còn 23,4 triệu đồng/năm, tức là dao động từ mức 3,32 xuống mức 1,95 triệu đồng/lao động/tháng. Do thu nhập sụt giảm mạnh khi ảnh hưởng bởi dịch Covid trong năm 2020 nên đa số các lao động trẻ đã bỏ nghề và đi làm thêm các công việc thời vụ khác để tăng thu nhập cho cuộc sống.



Hình 1. Biểu đồ kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh sản phẩm MTĐ tại làng nghề giai đoạn 2018-2020

3.2.4. Những hạn chế và khó khăn

- Nguyên liệu để sản xuất sản phẩm mây tre đan hiện đang rất khan hiếm. Tình trạng thiếu nguyên liệu dẫn đến giá các nguyên liệu cũng ở mức khá cao và làm giảm lợi nhuận sản xuất.

- Sản phẩm tại làng nghề chỉ mang tính chất là sản phẩm thô, giá trị bán ra thấp. Bên cạnh đó, việc liên kết với các doanh nghiệp lớn để tạo ra chuỗi sản phẩm tiêu thụ mang lại giá trị cao, ổn định chưa được thực hiện; thị trường tiêu thụ còn hạn chế.

- Đại dịch Covid-19 đã làm sụt giảm lượng sản phẩm tiêu thụ do các Hợp đồng xuất khẩu bị ngưng trệ, qua đó ảnh hưởng đến sản xuất và kinh doanh sản phẩm MTĐ tại làng nghề

- Việc sản xuất còn manh mún, nhỏ lẻ, chưa hình thành Hợp tác xã làng nghề. Trình độ tay nghề của người lao động chưa cao, làng nghề hiện không có nghệ nhân, độ tinh xảo trong các sản phẩm còn hạn chế nên làm giảm chất lượng và giá trị của sản phẩm.

- Khả năng tiếp cận thị trường bằng ứng dụng công nghệ còn yếu, việc ứng dụng công nghệ thông tin trong tiêu thụ sản phẩm còn hạn chế.

3.3. Một số giải pháp phát triển hoạt động sản xuất và kinh doanh các sản phẩm mây tre đan tại làng nghề xã Nam Phương Tiến trong bối cảnh dịch Covid-19

3.3.1. Giải pháp về phía Nhà nước và chính quyền địa phương

- Nhà nước cần triển khai những chính sách hỗ trợ giúp các làng nghề nói chung và làng nghề xã Nam Phương Tiến nói riêng ổn định và phát triển sản xuất ngay cả khi đại dịch xảy ra như: Hỗ trợ về vốn, lãi suất đối với các doanh nghiệp, xưởng sản xuất hoặc người dân làm nghề có nhu cầu vốn; hỗ trợ về xây dựng thương hiệu, nhận diện sản phẩm, tạo điều kiện cho sản phẩm MTĐ được giao dịch mua bán trên các sàn thương mại điện tử; đẩy mạnh tuyên truyền khuyến khích người dân trong nước sử dụng các sản phẩm MTĐ, tăng cường quảng bá sản phẩm góp phần hỗ trợ quá trình tiêu thụ sản phẩm ngay cả trong đại dịch.

- Chính quyền xã cần có giải pháp quy hoạch nguồn nguyên liệu, hình thành chợ bán nguyên liệu MTĐ nhằm cung cấp nguyên liệu tại chỗ cho làng nghề.

3.3.2. Giải pháp về phía làng nghề

- Hoàn thiện các công đoạn sản xuất để tạo ra sản phẩm hoàn chỉnh nhằm gia tăng giá trị sản phẩm, sáng tạo các mẫu mã mới đáp ứng thị hiếu người tiêu dùng; thúc đẩy mạnh mẽ hơn việc khai thác thị trường trong nước trong bối cảnh xuất khẩu gặp khó khăn vì dịch Covid-19.

- Xây dựng mô hình Hợp tác xã làng nghề để đẩy mạnh quy mô hoạt động sản xuất kinh doanh, tạo dựng thương hiệu nhằm tiêu thụ sản phẩm và phát triển thị trường qua các sàn thương mại điện tử.

- Khuyến khích các xưởng liên kết nhằm tạo ra sức cạnh tranh cao và triển khai liên kết với các doanh nghiệp trong lĩnh vực kinh doanh các sản phẩm MTĐ để tạo thành chuỗi giá trị; chú trọng việc thu hút các nghệ nhân, thợ lành nghề và đào tạo nâng cao kỹ năng tay nghề cho người lao động.

4. Kết luận

Nghề mây tre đan tại xã Nam Phương Tiến - Chương Mỹ - Hà Nội hiện đang có nhiều lợi thế và tiềm năng để có thể phát triển với các mặt hàng gia dụng đồ dùng sinh hoạt công nghiệp trên thị trường; các sản phẩm được làm ra cũng như các điều kiện cho sản xuất MTĐ tại xã có thể cạnh tranh với các làng nghề lớn khác trên các tỉnh thành như làng nghề Phú Vinh, Thanh Oai,... Thực tế cho thấy hoạt động sản xuất và kinh doanh tại làng nghề cho thấy nghề phụ đã đem lại mức thu nhập bình quân cho mỗi lao động từ 2-3 triệu đồng/tháng, góp phần phát triển kinh tế hộ gia đình cho người dân làm nghề tại xã. Qua việc đánh giá thực trạng, bài nghiên cứu đã chỉ ra một số hạn chế và giải pháp góp phần phát triển hoạt động sản xuất MTĐ tại xã. Trong thời gian tới, làng nghề tại xã cần có những chiến lược sản xuất kinh doanh các sản phẩm MTĐ an toàn hơn vừa để ứng phó trong những bối cảnh có rủi ro xảy ra như đại dịch Covid-19, vừa để tăng cường giá trị sản xuất nhằm cải thiện thu nhập cho người dân, giúp người dân tại xã làm giàu trên chính quê hương của mình.

TÀI LIỆU THAM KHẢO/ REFERENCES

- [1] M. Phuc, "Large export market for bamboo and rattan products," October 2, 2020. [Online]. Available: <https://nongnghiep.vn/thi-truong-xuat-khau-rong-lon-cho-san-pham-may-tre-dan-d274364.html/>. [Accessed April 28, 2021].
- [2] K. Thoa, "Phu Nghia bamboo and rattan craft village strives to maintain production in the affected conditions of the Covid-19 pandemic," September 7, 2020. [Online]. Available: <https://chuongmy.hanoi.gov.vn/sr/tin-trong-huyen/-/news/pde1maEQe4QT/1/666728.html/>. [Accessed April 15, 2021].
- [3] X. H. Pham and V. A. Trinh, "Measures for sustainable development of the traditional handicraft villages in Vietnam to serve tourism," *Ho Chi Minh University of Education - Journal of Science*, no. 35, pp. 10-17, 2012.
- [4] N. B. Nguyen, "Craft village tourism in south-east Vietnam - Reality and remedies for development," *Dong Nai University - Journal of Science*, no. 07, pp. 62-76, 2017.
- [5] T. T. Truong and M. T. Ly, "Potential, current situation and solutions to tourism development at brocade weaving craft village of Khmer ethnic in Van Giao commune, Tinh Bien district, An Giang province," *Can Tho University - Journal of Science*, no. 54, pp. 137-147, 2018.
- [6] K. H. Nguyen, L. P. H. Hoang, and T. P. T. Le, "Development situation of the rattan and bamboo products at the Bao La Cooperative, Quang Dien district, Thua Thien Hue province," *Hue University - Journal of Science*, no. 126, pp. 137-144, 2017.
- [7] H. S. Do, "Research on the development status of bamboo and rattan craft villages in Thai Nguyen province," *TNU Journal of Science and Technology*, vol. 57, pp. 15-21, 2008.
- [8] T. H. Le, "Some solutions to develop traditional craft villages in Quang Ninh province today," Ha Long University, June 11, 2019. [Online]. Available: <http://uhl.edu.vn/bai-viet-khoa-hoc-2/mot-so-giai-phap-phat-trien-lang-nghe-truyen-thong-o-tinh-quang-ninh-hien-nay-tom-tat/>. [Accessed May 12, 2021].
- [9] H. D. Nguyen, "Solutions to develop production and consumption of bamboo and rattan products of Phu Vinh craft village industrial cluster, Chuong My district, Hanoi," M.S. thesis, Vietnam National University of Agriculture, Hanoi, 2012.
- [10] May furniture, "Traditional bamboo and rattan crafts production process," May 12, 2019. [Online]. Available: <http://mayfurniture.com.vn/tin-tuc/quy-trinh-san-xuat-do-thu-cong-may-tre-truyen-thong.html/>. [Accessed May 4, 2021].
- [11] People's Committee of Nam Phuong Tien commune, *Report on the socio-economic situation in 2020*, 2020.